

Số: 96/TTr-SKH&ĐT

Nam Định, ngày 25 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung 13, kênh Phú Hào, kênh R9 xã Nam Thái thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Báo cáo kinh tế kỹ thuật Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung 13, kênh Phú Hào, kênh R9 xã Nam Thái thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực;

Căn cứ Văn bản số 559/SNN-QLXDCT ngày 19/3/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung 13, kênh Phú Hào, kênh R9 xã Nam Thái thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực;

Sau khi xem xét Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Trực về việc xin phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung 13, kênh Phú Hào, kênh R9 xã Nam Thái thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực,

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung 13, kênh Phú Hào, kênh R9 xã Nam Thái thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực, với nội dung sau:

I. Tóm tắt những nội dung chủ yếu của Báo cáo kinh tế kỹ thuật

1. Tên Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung 13, kênh Phú Hào, kênh R9 xã Nam Thái thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Nam Trực.

3. Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật:

- Tư vấn khảo sát: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế Đông Á.

- Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Xây dựng & Phát triển Nhà xinh.

4. Mục tiêu đầu tư: Tăng cường năng lực tưới, tiêu của hệ thống thủy nông Nam Ninh; chống sạt lở mái kênh, đảm bảo ổn định lâu dài, tạo cảnh quan, vệ sinh môi trường và xây dựng nông thôn mới bền vững.

5. Nội dung, quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu

5.1. Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung 13

a. Các chỉ tiêu kỹ thuật chính

- Diện tích phục vụ: $\omega=60\text{ha}$
- Hệ số tiêu thiết kế: $q=7,0\text{ lít/s/ha}$; hệ số tưới thiết kế: $q=1,25\text{ lít/s/ha}$.
- Thời gian tưới, tiêu nước: $T_{\text{tưới}}=6\text{h/ngày}$; $T_{\text{tiêu}}=7\text{h/ngày}$;
- Thời gian tưới ải thực tế: $T_a=6\text{ ngày}$
- Độ dốc đáy kênh: $i=5 \times 10^{-5}$.

b. Nội dung, giải pháp thiết kế chủ yếu

Nạo vét, kiên cố hóa mái kênh; tuyến kênh có chiều dài 1.076,2m; kênh mặt cắt hình thang, chiều rộng đáy kênh $B \geq 4\text{m}$ tùy theo địa hình thực tế; hệ số mái $m=1,5$; độ dốc đáy kênh $i=5 \times 10^{-5}$; cao độ đáy kênh đầu tuyến (-1.20).

- Đào đắp, nạo vét kênh theo mặt cắt thiết kế; đắp bù mái kênh bằng đất đầm nện chặt.

- Kiên cố hóa bờ tả và bờ hữu (đoạn từ cọc C0+2,2m đến cọc C35+10m dài 870,8m; đoạn nối tiếp vào kênh Sa Lung dài 10m), với kết cấu mái kênh từ dưới lên như sau:

+ Chân mái xây bằng đá hộc VXM M100 có tiết diện (b \times h)=(50 \times 50)cm, dưới lót đá (2 \times 4)cm dày 10cm, gia cố xử lý nền bằng 3 hàng cọc tre $\Phi(6\div 8)\text{cm}$ dài $L=2,0\text{m}$; khoảng cách các cọc trong hàng $a=20\text{cm}$. Riêng đối với bờ tả đoạn từ C42+16,8m đến C43+12m chân mái kết cấu bằng tường đá xây VXM M100, cao độ đỉnh tường (-0,50); gia cố xử lý nền bằng 4 hàng cọc tre $\Phi(6\div 8)\text{cm}$ dài $L=2,0\text{m}$; khoảng cách các cọc trong hàng $a=20\text{cm}$.

+ Mái kênh bằng đá hộc xây VXM M100 dày 30cm, dưới lót đá dăm (2 \times 4) dày 10cm; hệ số mái kênh $m=1,5$. Dọc theo chiều dài tuyến kênh cứ 5m bố trí một lỗ thoát nước mái theo kết cấu tầng lọc ngược tại cao trình (± 0.00); kích thước tấm thoát nước (b \times h)=(50 \times 50)cm dày 10cm có đục lỗ, dưới lót đá (2 \times 4)cm dày 15cm, đá (1 \times 2)cm dày 15cm và vải địa kỹ thuật; cứ 10m bố trí một khe lún hai lớp giấy dầu tấm ba lớp nhựa đường.

+ Đỉnh mái kênh: Xây đá hộc VXM M100, dưới lót đá dăm (2 \times 4)cm dày 10cm; chiều rộng đỉnh mái 30cm. Dọc theo đỉnh mái kênh cứ 3m bố trí một cục chắn bánh xe bằng bê tông M200 sơn hai màu đỏ, trắng.

+ Trên tuyến bố trí 6 bậc rửa bờ tả và 4 bậc rửa bờ hữu bằng đá hộc xây VXM M100, trát VXM M100 dày 2cm chiều rộng 2,0m/bậc.

5.2. Nạo vét, kiên cố hóa kênh Phú Hòa

a. Các chỉ tiêu kỹ thuật chính

- Diện tích phục vụ: $\omega=68\text{ha}$
- Hệ số tiêu thiết kế: $q=7,0\text{ lít/s/ha}$; hệ số tưới thiết kế: $q=1,25\text{ lít/s/ha}$.
- Thời gian tưới, tiêu nước: $T_{\text{tưới}}=6\text{h/ngày}$; $T_{\text{tiêu}}=7\text{h/ngày}$;
- Thời gian tưới ải thực tế: $T_a=6\text{ ngày}$
- Độ dốc đáy kênh: $i=5 \times 10^{-5}$.

b. Nội dung, giải pháp thiết kế chủ yếu:

Nạo vét, kiên cố hóa mái kênh, tuyến kênh có chiều dài $L=1.022\text{m}$; kênh mặt cắt hình thang, chiều rộng đáy kênh $B \geq 3,5\text{m}$ tùy theo địa hình thực tế; hệ số mái $m=(1,0 \div 1,5)$ tùy từng vị trí; độ dốc đáy kênh $i=5 \times 10^{-5}$; cao độ đáy kênh đầu tuyến (-1.20).

- Đào đắp, nạo vét kênh theo mặt cắt thiết kế; đắp bù mái kênh bằng đất đầm nện chặt.

- Kiên cố hóa mái kênh bờ hữu và bờ tả (đoạn từ C11+12,5 đến C15+9,6 dài 97,1m và đoạn từ C25+2,5 đến C30+10,2 dài 132,7m), với kết cấu mái kênh từ dưới lên như sau:

+ Chân mái: Xây bằng đá hộc VXM M100 có tiết diện (b \times h)=(50 \times 50)cm, dưới lót đá (2 \times 4)cm dày 10cm, gia cố xử lý nền bằng 3 hàng cọc tre $\Phi(6 \div 8)\text{cm}$ dài $L=2,0\text{m}$; khoảng cách các cọc trong hàng $a=20\text{cm}$. Riêng đối với bờ tả (đoạn từ C11+12,5 đến C15+9,6 dài 97,1m; đoạn từ C25+2,5 đến C30+10,2 dài 132,7m) và bờ hữu (đoạn từ C40+5m đến C41+7m dài 22m) chân mái kết cấu bằng tường đá xây VXM M100, cao độ đỉnh tường (-0,50); gia cố xử lý nền bằng 4 hàng cọc tre $\Phi(6 \div 8)\text{cm}$ dài $L=2,0\text{m}$; khoảng cách các cọc trong hàng $a=20\text{cm}$.

+ Mái kênh bằng đá hộc xây VXM M100 dày 30cm, dưới lót đá dăm (2 \times 4) dày 10cm; hệ số mái kênh $m=(1,0 \div 1,5)$ tùy theo địa hình thực tế. Dọc theo chiều dài tuyến cứ 5m bố trí một lỗ thoát nước mái theo kết cấu tầng lọc ngược tại cao trình ($\pm 0,00$); kích thước tấm thoát nước (b \times h)=(50 \times 50)cm dày 10cm có đục lỗ, dưới lót đá (2 \times 4)cm dày 15cm, đá (1 \times 2)cm dày 15cm và vải địa kỹ thuật; cứ 10m bố trí một khe lún hai lớp giấy dầu tấm ba lớp nhựa đường.

+ Đỉnh mái kênh: Xây đá hộc VXM M100, dưới lót đá dăm (2 \times 4)cm dày 10cm; chiều rộng đỉnh mái 30cm. Dọc theo đỉnh mái kênh cứ 3m bố trí một cục chắn bánh xe bằng bê tông M200 sơn hai màu đỏ, trắng.

+ Trên tuyến bờ hữu bố trí 08 bậc rửa, bờ tả bố trí 02 bậc rửa kết cấu bằng đá hộc xây VXM M100, trát VXM M100 dày 2cm chiều rộng 2,0m/ bậc.

5.3. Nạo vét, kiên cố hóa kênh R9

a. Các chỉ tiêu kỹ thuật chính

- Diện tích phục vụ: $\omega=42,5\text{ha}$
- Hệ số tiêu thiết kế: $q=7,0\text{ lít/s/ha}$; hệ số tưới thiết kế: $q=1,25\text{ lít/s/ha}$.

- Thời gian tưới, tiêu nước: $T_{tưới}=6h/ngày$; $T_{tiêu}=7h/ngày$;
- Thời gian tưới ả thực tế: $T_a=6$ ngày
- Độ dốc đáy kênh: $i=5 \times 10^{-5}$.

b. Nội dung, giải pháp thiết kế chủ yếu:

Nạo vét, kiên cố hóa mái kênh, tuyến kênh có chiều dài $L=543m$; kênh mặt cắt hình thang, chiều rộng đáy kênh $B \geq 2,6m$ tùy theo địa hình thực tế; hệ số mái $m=1,25$; độ dốc đáy kênh $i=5 \times 10^{-5}$; cao độ đáy kênh đầu tuyến là (-1.00) .

- Đào đắp, nạo vét kênh theo mặt cắt thiết kế; đắp bù mái kênh bằng đất đầm nện chặt.

- Kiên cố hóa mái kênh với kết cấu như sau:

+ Chân mái xây bằng đá hộc VXM M100 có tiết diện (b \times h)=(50 \times 50)cm, dưới lót đá (2 \times 4)cm dày 10cm, gia cố xử lý nền bằng 3 hàng cọc tre $\Phi(6\div 8)cm$ dài $L=2,0m$; khoảng cách các cọc trong hàng $a=20cm$.

+ Mái kênh gia cố bằng đá hộc lát khan dày 30cm, chít mạch VXM M100 dưới lót đá (2 \times 4)cm dày 10cm, trong khung đá xây VXM M100. Dọc tuyến cứ 10m bố trí 1 khung cách với nhau bằng khe lún 2 lớp giấy dầu tấm 3 lớp nhựa đường; mỗi đơn nguyên bố trí 02 dầm dọc bằng đá xây VXM M100 có tiết diện (30 \times 30)cm, dưới lót đá (2 \times 4) dày 10cm. Dọc theo chiều dài tuyến kênh cứ 5m bố trí một lỗ thoát nước mái theo kết cấu tầng lọc ngược tại cao trình (± 0.00); kích thước tấm thoát nước (b \times h)=(50 \times 50)cm dày 10cm có đục lỗ, dưới lót đá (2 \times 4)cm dày 15cm, đá (1 \times 2)cm dày 15cm và vải địa kỹ thuật.

+ Đỉnh mái kênh: Xây đá hộc VXM M100, dưới lót đá dăm (2 \times 4)cm dày 10cm; chiều rộng đỉnh mái 30cm. Dọc theo đỉnh mái kênh cứ 3m bố trí một cục chắn bánh xe bằng bê tông M200 sơn hai màu đỏ, trắng.

+ Trên tuyến bố trí 02 bậc rửa bờ tả và 02 bậc rửa bờ hữu bằng đá hộc xây VXM M100, trát VXM M100 dày 2cm chiều rộng 2,0m/ bậc.

5.4. Các công trình trên tuyến

Cải tạo, nâng cấp 13 cống nhánh trên các kênh, cụ thể: 4 cống trên kênh Sa Lung 13; 4 cống trên kênh Phú Hào; 5 cống trên kênh R9.

a. Quy mô, vị trí các cống:

ST T	Hạng mục	Vị trí	Khẩu độ Φ (cm)	Cao trình đáy cống	Hình thức
<i>a.1</i>	<i>Các cống trên tuyến kênh Sa Lung 13</i>				
-	Cống chia nước bờ hữu	C10+19,5m	60	-0.50	Xây mới
-	Cống chia nước bờ hữu	C13+12,8m	100	-0.50	Xây mới

ST T	Hạng mục	Vị trí	Khẩu độ Φ (cm)	Cao trình đáy cống	Hình thức
-	Cống chia nước bờ hữu	C35+1,0m	60	-0.50	Xây mới
-	Cống chia nước bờ hữu	C38+15,3m	60	-0.50	Xây mới
a.2	<i>Các cống trên tuyến kênh Phú Hào</i>				
-	Cống chia nước bờ tả	C4+17m	60	-0.50	Xây mới
-	Cống chia nước bờ tả	C8+23m	60	-0.50	Xây mới
-	Cống chia nước bờ tả	C31+14m	60	-0.50	Xây mới
-	Cống chia nước bờ tả	C35+5m	60	-0.50	Xây mới
a.3	<i>Các cống trên tuyến kênh R9 (Rõng 9)</i>				
-	Cống chia nước bờ tả	C11+4,4m	60	-0.50	Xây mới
-	Cống chia nước bờ tả	C15+7,2m	60	-0.50	Xây mới
-	Cống chia nước bờ hữu	C11+4,7m	60	-0.50	Xây mới
-	Cống chia nước bờ hữu	C15+9,7m	60	-0.50	Xây mới
-	Cống chia nước bờ hữu	C19+16m	60	-0.50	Xây mới

b. Giải pháp kết cấu chung cho các cống như sau

- Đáy cống bằng bê tông M200 dày 30cm, lót bê tông M100 dày 10cm, nền xử lý cọc tre f(6÷8)cm, chiều dài L=2,5m; mật độ 25 cọc/m².

- Ống cống bê tông cốt thép âm dương đường kính (60÷100)cm tùy từng vị trí; L=1,0m, giữa 2 ống chít VXM M100, hai bên ống chèn bê tông M200.

- Tường đầu, tường cánh bằng bê tông M200.

- Dàn van bằng khung thép hình, cánh van bằng bê tông cốt thép M300, đóng mở bằng vít nâng (V0÷V1).

- Gia cố kênh phía trong đồng dài 3m bằng đá xây VXM M100 dày 30cm, lót đá (2x4) dày 10cm. Đối với các cống nằm trên đoạn kênh chưa được kiên cố hóa: gia cố mái kênh 2 bên cống phạm vi mỗi bên 3m bằng đá học xây VXM M100 dày 30cm, dưới lót đá (2x4) dày 10cm.

6. Địa điểm xây dựng: Xã Nam Thái, huyện Nam Trực.

7. Tổng mức đầu tư:	14.996,0 triệu đồng
- Chi phí xây dựng:	12.948,6 triệu đồng
- Chi phí thiết bị:	27,2 triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án:	356,6 triệu đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.006,6 triệu đồng
- Chi phí khác:	110,0 triệu đồng
- Chi phí dự phòng:	547,0 triệu đồng

8. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, nguồn hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Giao Ủy ban nhân dân huyện Nam Trực phối hợp với các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm giải phóng mặt bằng.

9. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định.

10. Thời gian thực hiện dự án: 2020 - 2022.

II. Nhận xét và kiến nghị

1. Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung 13, kênh Phú Hào, kênh R9 xã Nam Thái thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực phù hợp với chủ trương đầu tư xây dựng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/01/2020.

2. Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung 13, kênh Phú Hào, kênh R9 xã Nam Thái thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực đã được Chủ đầu tư chỉnh sửa theo kết quả thẩm định số 559/SNN-QLXDCT ngày 19/3/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đảm bảo cơ sở pháp lý thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư nhất trí trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nạo vét, kiên cố hóa kênh Sa Lung 13, kênh Phú Hào, kênh R9 xã Nam Thái thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực.

Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để trình);
- Sở NN&PTNT (để phối hợp);
- UBND huyện Nam Trực;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Long

